

Số: *107* /QĐ-TTGDQPAN

Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận sinh viên đủ điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh  
Khóa 50 năm 2025, trình độ liên thông cao đẳng  
của Trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

*Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-BGDDT, ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn;*

*Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-BQP, ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BLDTBXH, ngày 30/8/2022 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội ban hành Quy chế quản lý, cấp phát Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường cao đẳng;*

*Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-TTGDQPAN, ngày 26/12/2022 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định về quản lý Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn;*

*Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-TTGDQPAN, ngày 12/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;*

*Căn cứ Quyết định số **106** /QĐ-TTGDQPAN, ngày 22/7/2025 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quyết định công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 50, năm học 2024-2025 cho sinh viên trình độ liên thông cao đẳng của Trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ;*

*Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét công nhận kết quả học tập môn học, công nhận sinh viên đủ điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 50 tại phiên họp ngày 22/7/2025;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 60 sinh viên đủ điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 50 năm 2025, trình độ liên thông cao đẳng của Trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ (có tên trong danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên, Trưởng các đơn vị và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ;
- Đăng website;
- Lưu: VT, PDTQLSV.

**GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Đoàn Đức Tùng**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH  
TRÌNH ĐỘ LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG**

**KHÓA 50, NĂM 2024-2025**

**TRƯỜNG LIÊN KẾT: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN - XÂY DỰNG VÀ NÔNG LÂM TRUNG BỘ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 107/QĐ-TTGDQPAN ngày 22/7/2025 của Giám đốc Trung tâm  
Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn)*

| TT | Mã SV      | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Ngành học         | Giới tính | Xếp loại   | Ghi chú |
|----|------------|-----------------|--------|------------|-------------------|-----------|------------|---------|
| 1  | 49L.DH1.04 | Hoàng Văn       | Hiệp   | 12/10/1991 | Khảo sát địa hình | Nam       | Giỏi       |         |
| 2  | 50L.OT1.01 | Phan Lê         | Bình   | 08/02/1990 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 3  | 50L.OT1.02 | Nguyễn Quý      | Doan   | 12/4/1981  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Xuất sắc   |         |
| 4  | 50L.OT1.03 | Nguyễn Trọng    | Dức    | 20/7/1993  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 5  | 50L.OT1.04 | Phan Ngọc       | Dũng   | 20/9/1994  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 6  | 50L.OT1.05 | Phan Nhật       | Huy    | 04/12/1982 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 7  | 50L.OT1.06 | Phan Công       | Minh   | 01/11/1993 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 8  | 50L.OT1.08 | Trương Văn      | Sang   | 26/3/1985  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 9  | 50L.OT1.09 | Trần Anh        | Tài    | 20/02/1987 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Xuất sắc   |         |
| 10 | 50L.OT1.12 | Ngô Khôn        | Thịnh  | 10/01/1984 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 11 | 50L.OT1.13 | Nguyễn Minh     | Thương | 10/12/1993 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 12 | 50L.OT1.14 | Nguyễn Văn      | Trưởng | 20/7/1976  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 13 | 50L.OT1.15 | Phạm Hoàng      | Viết   | 11/8/1983  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Trung bình |         |
| 14 | 50L.TY1.01 | Đỗ Phạm Quỳnh   | Anh    | 08/9/2002  | Thú y             | Nữ        | Giỏi       |         |
| 15 | 50L.TY1.02 | Lê Đình         | Cang   | 26/8/1997  | Thú y             | Nam       | Khá        |         |
| 16 | 50L.TY1.03 | Trần Văn        | Khánh  | 10/02/1985 | Thú y             | Nam       | Xuất sắc   |         |
| 17 | 50L.TY1.05 | Tô Thị Mỹ       | Lợi    | 19/4/1997  | Thú y             | Nữ        | Giỏi       |         |
| 18 | 50L.TY1.06 | Nguyễn Dương    | Nghiệp | 13/9/2001  | Thú y             | Nam       | Giỏi       |         |
| 19 | 50L.TY1.07 | Nguyễn Thanh    | Phong  | 30/6/1995  | Thú y             | Nam       | Giỏi       |         |
| 20 | 50L.TY1.10 | Lê              | Thành  | 03/11/1998 | Thú y             | Nam       | Khá        |         |
| 21 | 50L.TY1.11 | Trần Văn        | Tinh   | 20/02/2001 | Thú y             | Nam       | Khá        |         |
| 22 | 50L.TY1.12 | Nguyễn Thị Thủy | Trình  | 03/10/2003 | Thú y             | Nữ        | Giỏi       |         |
| 23 | 50L.TY1.13 | Sâu Zuôn        | Tung   | 07/3/1992  | Thú y             | Nam       | Khá        |         |
| 24 | 50L.TY1.15 | Nguyễn Thành    | Ý      | 27/11/2002 | Thú y             | Nam       | Khá        |         |
| 25 | 50L.DC1.01 | Nguyễn An       | Chiến  | 12/9/2000  | Điện công nghiệp  | Nam       | Giỏi       |         |
| 26 | 50L.DC1.02 | Đặng Thủ        | Chức   | 20/8/1997  | Điện công nghiệp  | Nam       | Giỏi       |         |
| 27 | 50L.DC1.03 | Lê Mạnh         | Cường  | 21/5/2006  | Điện công nghiệp  | Nam       | Giỏi       |         |
| 28 | 50L.DC1.05 | Lê Công         | Danh   | 28/12/1980 | Điện công nghiệp  | Nam       | Trung bình |         |
| 29 | 50L.DC1.09 | Mai Phi         | Hiếu   | 12/12/1997 | Điện công nghiệp  | Nam       | Giỏi       |         |
| 30 | 50L.DC1.11 | Phan Quốc       | Khánh  | 27/8/2006  | Điện công nghiệp  | Nam       | Giỏi       |         |
| 31 | 50L.DC1.12 | Tạ Đình         | Khoa   | 28/11/2005 | Điện công nghiệp  | Nam       | Khá        |         |
| 32 | 50L.DC1.13 | Vương Văn       | Lâm    | 10/10/2006 | Điện công nghiệp  | Nam       | Khá        |         |
| 33 | 50L.DC1.16 | Võ Trung        | Thật   | 26/11/1984 | Điện công nghiệp  | Nam       | Trung bình |         |
| 34 | 50L.DC1.61 | Nguyễn Bá       | Huy    | 18/7/2006  | Điện công nghiệp  | Nam       | Khá        |         |
| 35 | 50L.DH1.01 | Trịnh Kông      | Khánh  | 01/12/1988 | Khảo sát địa hình | Nam       | Khá        |         |
| 36 | 50L.DH1.02 | Bùi Trung       | Kiên   | 14/12/1990 | Khảo sát địa hình | Nam       | Giỏi       |         |

| TT | Mã SV      | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Ngành học         | Giới tính | Xếp loại   | Ghi chú |
|----|------------|-----------------|--------|------------|-------------------|-----------|------------|---------|
| 37 | 50L.DH1.04 | Hoàng Văn       | Thành  | 07/3/1990  | Khảo sát địa hình | Nam       | Giỏi       |         |
| 38 | 50L.DH1.05 | Nguyễn Hồng     | Phương | 27/8/1984  | Khảo sát địa hình | Nam       | Khá        |         |
| 39 | 50L.DH1.06 | Nguyễn Trọng    | Tuyền  | 18/9/1989  | Khảo sát địa hình | Nam       | Khá        |         |
| 40 | 50L.DH1.07 | Nguyễn Văn      | Thông  | 29/10/1985 | Khảo sát địa hình | Nam       | Khá        |         |
| 41 | 50L.DH1.08 | Nguyễn Văn      | Tín    | 30/12/1993 | Khảo sát địa hình | Nam       | Giỏi       |         |
| 42 | 50L.DH1.09 | Nguyễn Văn      | Tám    | 25/4/1983  | Khảo sát địa hình | Nam       | Khá        |         |
| 43 | 51L.OT1.01 | Nguyễn Đỗ Thiên | Ân     | 18/11/1990 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Trung bình |         |
| 44 | 51L.OT1.02 | Trần Quế        | Anh    | 10/10/1989 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Trung bình |         |
| 45 | 51L.OT1.03 | Phạm Ngọc       | Châu   | 19/9/1980  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Trung bình |         |
| 46 | 51L.OT1.04 | Lê Cao          | Cường  | 20/10/1969 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Trung bình |         |
| 47 | 51L.OT1.05 | Nguyễn Quang    | Danh   | 02/02/1982 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Trung bình |         |
| 48 | 51L.OT1.06 | Trần Trung      | Dũng   | 26/11/1986 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Giỏi       |         |
| 49 | 51L.OT1.07 | Nguyễn Văn      | Hòa    | 20/10/1987 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Giỏi       |         |
| 50 | 51L.OT1.09 | Trần Thái       | Mẫn    | 16/11/1984 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 51 | 51L.OT1.10 | Nguyễn Ngọc     | Thanh  | 10/4/1979  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 52 | 51L.OT1.11 | Nguyễn Xuân     | Thanh  | 03/02/1980 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 53 | 51L.OT1.12 | Nguyễn Minh     | Toàn   | 07/8/1986  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 54 | 51L.OT1.13 | Hồ Văn          | Tùng   | 27/5/1993  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Trung bình |         |
| 55 | 51L.OT1.14 | Đinh Thanh      | Tùng   | 11/3/1992  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 56 | 51L.OT1.15 | Phạm Văn        | Hào    | 16/12/1983 | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 57 | 51L.OT1.16 | Nguyễn Thanh    | Tùng   | 27/6/1983  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 58 | 51L.OT1.17 | Hồ Văn          | Trọng  | 19/8/1993  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 59 | 51L.OT1.20 | Nguyễn Văn      | Sinh   | 02/9/1995  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Khá        |         |
| 60 | 51L.OT1.62 | Ngô Ngọc        | Sinh   | 01/8/1993  | Công nghệ ô tô    | Nam       | Trung bình |         |

Ấn định danh sách có 60 sinh viên./.

Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Đoàn Đức Tùng**